

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/DS-ST
Ngày 25-9-2025
“V/v tranh chấp phường giữa chị
Hằng và chị Tâm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Khải
2. Bà Nguyễn Thị Hương.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Minh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Hưng Yên.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp phường*” của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Hưng Yên, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXX-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978
Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nay là: Thôn N, xã A, tỉnh Hưng Yên.
- **Bị đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1978
Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Lộng Khê 4, xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nay là: Thôn Lộng Khê 4, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên.
Nơi ở: Thôn An Quý, xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nay là: Thôn An Quý, xã A Sào, tỉnh Hưng Yên

(*Tại phiên tòa có mặt chị H; vắng mặt chị T*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và chị Lê Thị T có quan hệ quen biết do hai người cùng chơi phường với nhau và cùng làm chủ phường.

Các phường hai chị tham gia cùng nhau đều là phường mua. Theo đó, giá gốc là giá cao nhất của phường, thông thường chủ phường hoặc những người lấy cuối cùng của phường hoặc tháng đó không có ai mua phường thì tổ chức bốc phường sẽ lấy theo giá gốc. Ai có nhu cầu lấy phường thì phải mua phường, ai mua cao nhất thì người đó được phường tức là những người chơi phường chỉ phải nộp giá thấp nhất so với giá gốc. Trường hợp có từ 02 người trở lên mua bằng nhau thì họ tự thương lượng với nhau hoặc bốc thăm để tìm ra người được phường, tiền nộp phường làm tròn 5.000 đồng hoặc 10.000 đồng. Ở mỗi phường, mỗi tháng chỉ được 01 suất lấy được phường. Suất phường nào chưa được lấy thì nộp theo giá mua, suất phường nào đã lấy thì nộp theo giá gốc. Trường hợp dừng phường thì những suất đã lấy phường phải nộp đủ giá gốc cho suất chưa được lấy phường. Một người có thể vào nhiều suất phường ở một phường, cùng lúc có thể tham gia nhiều phường.

Chủ phường có trách nhiệm tổ chức họp phường, tổ chức mua phường, thu tiền của những người chơi phường để giao (nộp) cho người được phường. Trường hợp đến ngày giao (nộp) tiền phường cho người được phường mà người chơi phường chưa nộp tiền phường thì chủ phường có trách nhiệm bỏ tiền của mình ra để nộp thay cho người chưa nộp, sau đó thu của người này sau. Trường hợp dừng phường thì chủ phường có trách nhiệm thu đủ giá gốc của người đã được lấy phường để trả cho người chưa được lấy phường. Chủ phường được ưu tiên lấy thứ tư trở đi và lấy đủ giá gốc, sau khi lấy phường thì chủ phường vẫn phải nộp đủ giá gốc cho người được phường tiếp theo. Ở một phường nếu chủ phường tham gia từ 02 suất trở lên thì chỉ được ưu tiên 01 suất, còn từ suất thứ 02 trở đi thì như những người chơi phường khác.

Các phường do chị là chủ chị đều lập sổ theo dõi, ghi tên người vào phường, số suất tham gia, ai là người được lấy phường, thời gian lấy phường, ai lấy được phường chị đều yêu cầu ký nhận, có người chị ghi cả tên hai vợ chồng (để phân biệt vì có nhiều người trùng tên nhau hoặc danh sách phường ghi tên chồng nhưng vợ là người nhận tiền phường...), số tiền ký nhận là tiền thực tế mà người lấy phường được chủ phường giao tức là số tiền nhận đã trừ đi suất của mình đã được lấy (người lấy phường không phải nộp 01 suất của mình cho chủ phường). Do tin tưởng nhau nên những người chơi phường với chị không ai yêu cầu chị ký nhận nộp phường. Việc tổ chức thành lập phường cũng như việc vào phường là của cá nhân chị không liên quan đến ai trong gia đình, mọi người tham gia đều tự nguyện, bình đẳng.

Phường do chị Nguyễn Thị H làm chủ, chị T tham gia tổng cộng 07 phường gồm:

Phường thứ nhất thành lập vào ngày 25/6/2017 (âm lịch), nộp phường vào ngày 25 hàng tháng, tổng số 25 suất, tiền gốc 3.000.000 đồng/suất (*Ba triệu đồng một suất*). Bắt đầu từ tháng 6/2017 đến tháng 9/2018, từ tháng 10/2018 thì mọi người thống nhất dừng phường. Đã có 16 suất được lấy phường, còn 09 suất nữa chưa được lấy phường chị tham gia 02 suất, đã lấy 01 suất còn 01 suất

chưa lấy. Chị T tham gia 05 suất đã lấy 04 suất, còn lại 01 suất chưa lấy. Chị T lấy phường lần lượt các thời gian như sau:

- Chị T lấy đầu tiên, ngày 25/6/2017 được 2.400.000 đồng/suất x 24 suất = 57.600.000 đồng (lấy suất thứ nhất).

- Chị T lấy thứ sáu, ngày 25/11/2017 được 05 suất gốc x 3.000.000 đồng/suất = 15.000.000 đồng, 19 suất mua x 2.180.000 đồng/suất = 41.420.000 đồng. Tổng 56.420.000 đồng (lấy suất thứ hai).

- Chị T lấy thứ chín, ngày 25/02/2018 được 08 suất x 3.000.000 đồng/suất x = 24.000.000 đồng; 16 suất mua x 2.200.000 đồng/suất = 35.200.000 đồng. Tổng 59.200.000 đồng (lấy suất thứ ba).

- Chị T lấy thứ 15, ngày 25/8/2018 được 14 suất gốc x 3.000.000 đồng/suất = 42.000.000 đồng; 10 suất mua x 2.190.000 đồng/suất = 21.900.000 đồng. Tổng 63.900.000 đồng (lấy suất thứ tư).

Còn chị lấy thứ tư ngày 25/10/2017 được 24 suất gốc x 3.000.000 đồng/suất = 72.000.000 đồng.

Theo đó, 01 suất chưa lấy được thanh toán 16 suất x 3.000.000 đồng/suất = 48.000.000 đồng; 01 suất đã lấy thì phải trả là 3.000.000 đồng/suất x 09 suất chưa lấy = 27.000.000 đồng.

Do chị T đã lấy 04 suất nên phải thanh toán 27.000.000 đồng/suất x 04 suất = 108.000.000 đồng; 01 suất chưa lấy được thanh toán là 48.000.000 đồng. Đối trừ chị T còn phải thanh toán cho chị là 108.000.000 đồng - 48.000.000 đồng = 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Phường thứ hai và phường thứ ba cùng thành lập vào ngày 10/11/2017 (âm lịch), 42 suất, được chia thành 02 phường, mỗi phường 21 suất, nộp phường vào ngày 10 hàng tháng, mỗi suất phường gốc là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Ai tham gia từ 02 suất trở lên thì được chia ra tham gia thành 02 phường, hợp phường, mua phường cùng ngày, lấy cùng lúc 02 phường. Chị T tham gia 11 suất, 01 phường 05 suất, 01 phường 06 suất, chị T đã lấy 10 suất còn 01 suất nữa chưa lấy. Bắt đầu từ tháng 10/2017 đến tháng 9/2018, từ tháng 10/2018 thì dừng phường. Chị T lấy phường lần lượt thời gian như sau:

- Chị T lấy đầu tiên, ngày 10/11/2017 được 2.400.000 đồng/suất x 20 suất = 48.000.000 đồng/phường x 02 phường = 96.000.000 đồng (lấy suất thứ nhất).

- Chị T lấy thứ hai, ngày 10/12/2017 được 01 suất gốc x 3.000.000 đồng/suất = 3.000.000 đồng, 19 suất mua x 2.200.000 đồng/suất = 41.800.000 đồng, tổng 44.800.000 đồng/phường x 02 phường = 89.600.000 đồng (lấy suất thứ hai).

- Chị T lấy thứ 6, ngày 10/4/2018 được 05 suất gốc x 3.000.000 đồng/suất = 15.000.000 đồng; 15 suất mua x 2.170.000 đồng/suất = 32.550.000 đồng. Tổng 47.550.000 đồng/phường x 02 phường = 95.100.000 đồng (lấy suất thứ ba).

- Chị T lấy thứ 9, ngày 10/7/2018 được 08 suất gốc x 3.000.000 đồng/suất = 24.000.000 đồng; 12 suất mua x 2.300.000 đồng/suất = 27.600.000

đồng. Tổng $51.600.000 \text{ đồng/phường} \times 02 \text{ phường} = 103.200.000 \text{ đồng}$ (lấy suất thứ tư).

- Chị T lấy thứ 10, ngày 10/8/2018 được 09 suất gốc $\times 3.000.000 \text{ đồng/suất} = 27.000.000 \text{ đồng}$; 11 suất mua $\times 2.200.000 \text{ đồng/suất} = 24.200.000 \text{ đồng}$. Tổng $51.200.000 \text{ đồng/phường} \times 02 \text{ phường} = 102.400.000 \text{ đồng}$ (lấy suất thứ năm).

Theo đó, 01 suất chưa lấy được thanh toán $16 \text{ suất} \times 3.000.000 \text{ đồng/suất} = 48.000.000 \text{ đồng}$; 01 suất đã lấy thì phải trả là $3.000.000 \text{ đồng/suất} \times 09 \text{ suất chưa lấy} = 27.000.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, 01 suất chưa lấy được thanh toán $11 \text{ suất} \times 3.000.000 \text{ đồng/suất} = 33.000.000 \text{ đồng}$, chị T còn 01 suất chưa lấy nên chị T được thanh toán là $33.000.000 \text{ đồng}$.

01 suất đã lấy được thanh toán là $3.000.000 \text{ đồng/suất} \times 10 \text{ suất chưa lấy} = 30.000.000 \text{ đồng}$. Do ở hai phường chị T đã lấy $05 \text{ suất/phường} \times 02 \text{ phường} = 10 \text{ suất}$ nên chị T phải thanh toán là $3.000.000 \text{ đồng/suất} \times 10 \text{ suất} = 300.000.000 \text{ đồng}$.

Đổi trừ chị T còn phải thanh toán cho chị là $300.000.000 \text{ đồng} - 33.000.000 \text{ đồng} = 267.000.000 \text{ đồng}$.

Phường thứ tư thành lập vào ngày 20/02/2018 (âm lịch) 21 suất, giá gốc là $3.000.000 \text{ đồng/suất}$ (đã lấy phường được 08 suất còn lại 13 suất). Chị T tham gia chơi 05 suất, đã lấy 01 suất, còn 04 suất chưa lấy, cụ thể:

Chị T lấy thứ hai, ngày 20/3/2018 được 01 suất gốc $\times 3.000.000 \text{ đồng/suất} = 3.000.000 \text{ đồng}$, 19 suất mua $\times 2.300.000 \text{ đồng/suất} = 43.700.000 \text{ đồng}$, tổng $46.700.000 \text{ đồng}$ (lấy suất thứ nhất).

Như vậy, mỗi suất đã lấy phải thanh toán $13 \text{ suất} \times 3.000.000 \text{ đồng/suất} = 39.000.000 \text{ đồng}$, chị T đã lấy 01 suất nên phải thanh toán $39.000.000 \text{ đồng}$.

Mỗi suất chưa lấy được thanh toán $3.000.000 \text{ đồng/suất} \times 8 \text{ suất} = 24.000.000 \text{ đồng}$.

Chị T còn 04 suất chưa lấy nên được thanh toán $24.000.000 \text{ đồng/suất} \times 4 \text{ suất} = 96.000.000 \text{ đồng}$.

Đổi trừ chị T được thanh toán là $96.000.000 \text{ đồng} - 39.000.000 \text{ đồng} = 57.000.000 \text{ đồng}$.

Phường thứ năm, sáu và bảy thành lập vào ngày 20/5/2018 (âm lịch), tổng 45 suất, 15 người chơi, chia làm 03 phường lấy cùng ngày, chị T tham gia chơi 12 suất, chia đều thành 03 phường, mỗi phường 04 suất (là phường E), mua phường cùng một ngày, giá gốc $5.000.000 \text{ đồng/suất}$ (*Năm triệu đồng một suất*).

Chị T lấy phường lần lượt các thời gian như sau:

- Chị T lấy đầu tiên, ngày 20/5/2018 được $3.700.000 \text{ đồng/suất} \times 14 \text{ suất} = 51.800.000 \text{ đồng/phường} \times 03 \text{ phường} = 155.400.000 \text{ đồng}$ (lấy suất thứ nhất).

- Chị T lấy thứ hai (suất thứ hai), ngày 20/6/2018 được 01 suất gốc $\times 5.000.000 \text{ đồng/suất} = 5.000.000 \text{ đồng}$, 13 suất mua $\times 3.700.000 \text{ đồng/suất} = 48.100.000 \text{ đồng}$, tổng $53.100.000 \text{ đồng/phường} \times 03 \text{ phường} = 159.300.000 \text{ đồng}$ (lấy suất thứ hai).

Ở mỗi phường đã có 05 suất được lấy phường, còn 10 suất nữa chưa được lấy gồm. Mỗi suất chưa lấy được thanh toán là $5.000.000 \text{ đồng/suất} \times 5 \text{ suất} = 25.000.000 \text{ đồng}$. Ở 03 phường chị T còn 06 suất nữa chưa được lấy phường nên được thanh toán là $25.000.000 \text{ đồng/suất} \times 6 \text{ suất} = 150.000.000 \text{ đồng}$.

Mỗi suất đã lấy phải thanh toán là $5.000.000 \text{ đồng/suất} \times 10 \text{ suất} = 50.000.000 \text{ đồng}$, chị T đã lấy 06 suất nên phải thanh toán là $50.000.000 \text{ đồng/suất} \times 6 \text{ suất} = 300.000.000 \text{ đồng}$.

Đổi trừ chị T phải thanh toán cho chị là $300.000.000 \text{ đồng} - 150.000.000 \text{ đồng} = 150.000.000 \text{ đồng}$.

Chốt các phường do chị làm chủ, chị T còn nợ lại chị số tiền: ngày 25/6/2017 nợ 60.000.000 đồng; ngày 10/11/2017 nợ 267.000.000 đồng và ngày 20/5/2018 nợ 150.000.000 đồng, riêng ngày 20/02/2018 chị nợ chị T 57.000.000 đồng. Tổng cộng chị T nợ chị là 420.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*).

Phường do chị Lê Thị T làm chủ phường

Chị tham gia chơi 04 suất, ở 03 phường, mỗi suất giá gốc là 5.000.000 đồng, cách chơi hình thức chơi như các phường do chị làm chủ. Chị T có đưa cho chị danh sách những người chơi phường, hàng tháng chị T đến thu tiền phường, mỗi tháng nộp phường một lần. Tất cả các phường chị đều đưa tay cho chị T mà không yêu cầu chị T ký nhận do lúc đó còn tin tưởng nhau.

Theo đó, có các người chơi và lấy như sau:

Phường thứ nhất thành lập ngày 28/02/2018, gồm 21 suất, chị tham gia 01 suất, giá gốc là 5.000.000 đồng/suất (*Năm triệu đồng một suất*), cũng nộp đến tháng 9/2018 thì dừng phường, chị không nhớ người lấy phường được bao nhiêu, chị T báo chị nộp số tiền như thế nào thì chị nộp như vậy, chị không nhớ họ, địa chỉ cụ thể của người chơi phường, chỉ nhớ thời gian nộp phường và số phường phải nộp.

Từ tháng 02/2018 đến tháng 8/2018 đã có 08 suất lấy phường, lần lượt gồm: anh S, chị T1, anh H1, chị T, anh Đ, chị T2, anh Đ1, chị C, chị đã nộp cho 07 suất mỗi suất 3.400.000 đồng $\times 7 \text{ suất} = 23.800.000 \text{ đồng}$; chị T là chủ nên chị nộp đủ cho chị T là 5.000.000 đồng, chị đã nộp cho chị T tổng số tiền là 28.800.000 đồng. Còn 13 suất nữa chưa lấy. Ở phường này chị đã nộp được 08 suất phường, chị T phải trả cho chị số tiền phường là $5.000.000 \text{ đồng/suất} \times 8 \text{ suất} = 40.000.000 \text{ đồng}$.

Phường thứ hai thành lập vào ngày 18/7/2018, gồm 15 suất, đã nộp được 03 suất. Tổng chị nộp 03 suất là 13.800.000 đồng. Còn 12 suất chưa lấy. Do chị đã nộp được 03 suất nên chị yêu cầu chị T thanh toán cho chị số tiền là $3 \times 5.000.000 \text{ đồng/suất} = 15.000.000 \text{ đồng}$. Ở phường này chị đã nộp được 03 suất phường, chị T phải trả cho chị số tiền phường là $3 \text{ suất} \times 5.000.000 \text{ đồng/suất} = 15.000.000 \text{ đồng}$.

Phường thứ ba: Thành lập vào tháng 7/2017, chị không biết bao nhiêu người chơi, chị tham gia chơi 02 suất, chị T bảo với chị 25 người chơi, chị T không bảo cho chị những người nào chơi phường, hàng tháng chị nộp tiền cho

chị T. Chị nộp từ tháng 7/2017 đến tháng 9/2018 thì dừng, tổng đã nộp được 15 suất được phường. Do đó chị yêu cầu chị T thanh toán cho chị (15 suất x 1.000.000 đồng/suất) x 2 = 30.000.000 đồng.

Như vậy, ở cả 03 phường tổng số tiền chị T nợ chị là 85.000.000 đồng

Tổng cộng tất cả các loại phường chị T nợ chị 420.000.000 đồng + 85.000.000 đồng = 505.000.000 đồng.

Chị T đã trả chị năm 2018 được 4.000.000 đồng; năm 2019 được 2.000.000 đồng, năm 2020 được 1.000.000 đồng và năm 2021 được 1.000.000 đồng. Tổng chị T đã trả được cho chị là 8.000.000 đồng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu chị T trả chị số tiền phường còn lại chưa trả cho chị là 497.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng*) nhưng tại phiên toà chị chỉ yêu cầu chị T trả chị tổng số tiền còn lại chưa trả là 427.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng*). Chị không yêu cầu chị T trả tiền lãi suất.

- *Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải bị đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Chị xác nhận có vào phường của chị Nguyễn Thị H. Chị có ký vào giấy biên nhận tiền phường mà chị H đã cung cấp cho Toà án.

Ngoài ra, chị có làm chủ phường khác và chị H có tham gia phường này. Chị nhớ là chị đóng được 15.000.000 đồng tiền gốc thì dừng phường. Chị H chưa lấy được khoản tiền nào. Chị không còn lưu lại được tài liệu liên quan đến việc chị H nộp phường.

Theo chị những phường thành lập năm 2017 giữa chị và chị H thì đã tất toán xong, còn nợ lại khoản tiền năm 2018. Theo chị, tổng số chỉ còn nợ lại là 150.000.000 đồng và chị đã trả chị H 96.000.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu đồng*) nhưng chị không có chứng cứ tài liệu nào để chứng minh.

Chị cũng bị những người chơi phường đã lấy phường nhưng không trả và chị sẽ có trách nhiệm trả chị Hằng số tiền sau khi lấy lại được số tiền của những người bỏ phường.

Việc vào phường, giữa chị và chị H không liên quan đến các thành viên trong gia đình. Nếu có phát sinh mâu thuẫn giữa chị và các thành viên trong gia đình thì chị tự giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Kết quả xác minh với:

- Cơ sở thôn N, xã A; thôn L, và thôn A, xã A; Công an xã A cung cấp: Theo nắm bắt tình hình tại địa phương thấy: Chị Lê Thị T có chồng là anh Đoàn Tăng N sinh năm 1987, vợ chồng chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã A nhưng lại ở thôn A, xã A. Chị Nguyễn Thị H có làm nhiều chủ phường tại địa phương, những ai chơi phường, còn nợ của ai số tiền phường là bà nhiêu, cơ sở thôn không nắm rõ bà H và những người chơi phường không báo cáo với chính quyền địa phương. Địa bàn xã A giáp xã A, từ ngày 01/7/2025 cùng là xã A, tỉnh Hưng Yên. Tại địa phương nhân dân thường tham gia chơi phường mua, tùy vào điều kiện kinh tế của từng người mà mỗi phường có giá gốc khác nhau, cách chơi, hình thức chơi, trách nhiệm, quyền lợi của chủ phường như chị H đã

trình bày, việc chơi phường này là tự phát, không ai báo với chính quyền. Nay chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị T trả số tiền phường cơ sở đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Kết quả xác minh với những người tham gia vào phường cùng với chị Nguyễn Thị H và chị Lê Thị T đều xác nhận về cách chơi, số lượng người tham gia, số suất phường tham gia ở một phường, thời gian lấy phường, trách nhiệm, quyền lợi của chủ phường như chị Nguyễn Thị H đã trình bày là đúng. Nếu dùng phường thì những người đã lấy phường có trách nhiệm nộp đủ cho chủ phường giá gốc của phường cho những suất phường chưa được lấy phường để chủ phường trả cho người chưa được lấy phường theo quy định. Những người chơi phường mà chưa được lấy phường, có người chị H đã thanh toán xong, có người chị H chưa thanh toán, có người họ chưa thanh toán cho chị H nhưng tất cả đều không yêu cầu Toà án giải quyết, giữa họ và chị H tự giải quyết với nhau và đề nghị không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117 và Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, biếu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Buộc chị Lê Thị T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Hằng S1 tiền gốc của tiền phường chưa trả 427.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng*). Chị H không yêu cầu chị T trả tiền lãi suất. Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị T trả tiền phường chưa trả, đây là tranh chấp phường; bị đơn chị H có nơi cư trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nay là xã A, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nay là Toà án nhân dân Khu vực 8 – Hưng Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn

tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị T trả số tiền gốc của số tiền phường chưa trả 497.000.000 đồng, chị H không yêu cầu chị T phải trả tiền lãi suất nhưng tại phiên tòa chị H chỉ yêu cầu chị T trả số tiền còn lại là 427.000.000 đồng. Chị T cho rằng khoản tiền phường năm 2017 đã tất toán xong, chị còn nợ lại là 150.000.000 đồng và chị đã trả chị H 96.000.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu đồng*) còn nợ lại là 54.000.000 đồng (*Năm mươi tư triệu đồng*) nhưng chị T không cung cấp được cho Tòa án các chứng cứ tài liệu nào để chứng minh. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ chị H cung cấp và các chứng cứ, tài liệu mà Tòa án thu thập được có trong hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện, từ tháng 6/2017 đến tháng 9/2018, chị H có làm chủ 07 phường mà có chị Lê Thị T tham gia, phường ít nhất chị T tham gia 02 suất, phường nhiều nhất tham gia 05 suất. Các phường này đều là phường mua. Theo đó, giá gốc là giá cao nhất thường là chủ phường hoặc những người lấy cuối cùng của phường. Ai có nhu cầu lấy phường thì phải mua, ai mua cao nhất thì người đó được phường tức là những người chơi phường chỉ phải nộp giá thấp nhất so với giá gốc đã đặt ra. Ở mỗi phường, mỗi tháng chỉ được 01 suất lấy được phường. Suất phường nào chưa được lấy thì nộp theo giá mua, suất phường nào đã lấy thì nộp theo giá gốc. Một người có thể vào nhiều suất phường ở một phường. Trường hợp dừng phường thì những suất đã lấy phường phải nộp đủ giá gốc cho suất chưa được lấy phường.

Chủ phường có trách nhiệm tổ chức họp phường, tổ chức mua phường, thu tiền của những người chơi phường để giao cho người được phường. Trường hợp đến ngày giao tiền phường cho người được phường mà người chơi phường chưa nộp tiền phường thì chủ phường có trách nhiệm bỏ tiền của mình ra để nộp thay cho người chưa nộp, sau đó thu của người này sau. Trường hợp dừng phường thì chủ phường có trách nhiệm thu đủ giá gốc của người đã được lấy phường để trả cho người chưa được lấy phường. Chủ phường được ưu tiên ấy suất thứ tư trở đi và lấy đủ giá gốc, sau khi lấy phường thì chủ phường vẫn phải nộp đủ giá gốc cho người được phường. Ở một phường nếu chủ phường tham gia từ 02 suất trở lên thì chỉ được ưu tiên 01 suất, còn từ suất thứ 02 trở đi thì như những người chơi phường khác.

Việc vào phường của chị T tự nguyện, các phường đều là phường mua, tháng nộp (mua) phường 01 lần, mỗi phường chỉ có 01 suất được lấy phường, ai mua cao nhất thì được tức là người chơi phường chỉ phải nộp giá thấp nhất so với giá gốc của tháng đó. Việc tổ chức phường và tham gia vào phường của chị H và chị T, thể hiện sự tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị ép buộc, lừa dối, chị T khẳng định đã ký vào giấy biên nhận tiền phường, mặt khác những người

chơi phường đều khẳng định thời gian lấy phường, số tiền được lấy như chị H khai và chị T đã công nhận. Do tất cả các phường đều lấy hết tháng 9/2018, dừng phường từ tháng 10/2018 nên những suất lấy phường trước phải nộp đủ trả giá gốc cho những suất chưa lấy phường. Theo đó, các lần chị T lấy phường và số tiền phải thanh toán của từng phường mà chị T phải thanh toán cho chị H, cụ thể như sau:

Các phường mà chị H làm chủ, chị T tham gia

Phường thứ nhất ngày 25/6/2017, gồm 15 suất chơi, giá gốc là 3.000.000 đồng/suất, đã có 13 suất được lấy phường, còn 02 suất nữa chưa được lấy phường. Chị T vào 05 suất đã lấy 04 suất vào các thời gian: ngày 25/6/2017 được 57.000.000 đồng; ngày 25/11/2017 được 56.420.000 đồng; ngày 25/02/2018 được 59.200.000 đồng và ngày 25/8/2018 được 63.900.000 đồng. Chị T còn 01 suất nữa chưa lấy.

Theo đó 01 suất đã lấy phải thanh toán là 3.000.000 đồng/suất x 09 suất = 27.000.000 đồng; 01 suất chưa lấy được thanh toán là 3.000.000 đồng/suất x 16 suất = 48.000.000 đồng.

Do chị T có 04 suất đã lấy nên phải thanh toán là 27.000.000 đồng/suất x 04 suất = 108.000.000 đồng. Chị T còn 01 suất chưa lấy nên đối trừ chị T còn phải thanh toán cho chị Hằng số tiền là 108.000.000 đồng – 48.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

Phường thứ hai và phường thứ ba ngày 10/11/2017, giá gốc 3.000.000 đồng/suất, gồm 42 suất, được chia thành 02 phường, mỗi phường 21 suất, lấy phường cùng ngày, chị T tham gia tổng 11 suất, chia làm 02 phường, có phường 05 suất, có phường 06, mỗi phường đã có 11 suất được lấy phường, còn 10 suất nữa chưa được lấy phường, chị T tham gia 02 phường nên lấy song song đồng thời cả 02 phường, cụ thể thời gian chị T được lấy phường như sau:

Ngày 10/11/2017 được 48.000.000 đồng/phường x 02 phường = 96.000.000 đồng.

Ngày 10/12/2017 được 44.800.000 đồng/phường x 02 phường = 89.600.000 đồng.

Ngày 10/4/2018 được 47.550.000 đồng/phường x 02 phường = 95.100.000 đồng.

Ngày 10/7/2018 được 51.600.000 đồng/phường x 02 phường = 103.200.000 đồng.

Ngày 10/8/2018 được 51.200.000 đồng/phường x 02 phường = 102.400.000 đồng.

Chị T tham gia 11 suất đã lấy 10 suất, còn 01 suất nữa chưa lấy

01 suất đã lấy phải thanh toán là 3.000.000 đồng/suất x 10 suất = 30.000.000 đồng; 01 suất chưa lấy được thanh toán là 3.000.000 đồng/suất x 11 suất = 33.000.000 đồng.

Chị T đã lấy ở mỗi phường là 05 suất nên ở cả 02 phường chị T phải thanh toán là (30.000.000 đồng/suất x 05 suất)/phường x 02 phường =

300.000.000 đồng. Đối trừ đi 01 suất chị T chưa lấy nên chị T còn phải thanh toán là $300.000.000 \text{ đồng} - 33.000.000 \text{ đồng} = 267.000.000 \text{ đồng}$.

Phường thứ tư ngày 20/02/2018, giá gốc 3.000.000 đồng/suất, gồm 21 suất, chị T tham gia 05 suất, đã có 08 suất được lấy phường còn 13 suất nữa chưa được lấy. Chị T đã lấy 01 suất vào ngày 20/3/2018 được 46.700.000 đồng. Còn 04 suất chưa lấy.

Theo đó, 01 suất đã lấy phải thanh toán là $3.000.000 \text{ đồng/suất} \times 13 \text{ suất} = 39.000.000 \text{ đồng}$, 01 suất chưa lấy được thanh toán là $3.000.000 \text{ đồng/suất} \times 08 \text{ suất} = 24.000.000 \text{ đồng}$. Chị T đã lấy 01 suất phải thanh toán là 39.000.000 đồng; 04 suất chưa lấy được thanh toán là $24.000.000 \text{ đồng/suất} \times 04 \text{ suất} = 96.000.000 \text{ đồng}$. Đối trừ chị H phải thanh toán cho chị T là $96.000.000 \text{ đồng} - 39.000.000 \text{ đồng} = 57.000.000 \text{ đồng}$.

Phường 5, 6 và 7 thành lập ngày 20/5/2018. Giá gốc 5.000.000 đồng/suất. Tổng 45 suất được chia thành 03 phường, mỗi phường 15 suất, chị T tham gia 12 suất, mỗi phường 04 suất, đã có 05 suất được lấy phường còn 11 suất chưa được lấy phường. Các phường lấy song song cùng nhau. Chị T đã lấy 02 suất ở mỗi phường, cụ thể

Ngày 20/5/2018 được $51.800.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ phường} = 155.400.000 \text{ đồng}$

Ngày 20/6/2018 được $53.100.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ phường} = 159.300.000 \text{ đồng}$.

01 suất đã lấy phải thanh toán là ở 01 phường là $10 \text{ suất} \times 5.000.000 \text{ đồng/suất} = 50.000.000 \text{ đồng/phường} \times 03 \text{ phường} = 150.000.000 \text{ đồng}$.

01 suất chưa lấy được thanh toán ở 01 phường là $05 \text{ suất} \times 5.000.000 \text{ đồng/suất} = 25.000.000 \text{ đồng/phường} \times 03 \text{ phường} = 75.000.000 \text{ đồng}$.

Do chị T ở mỗi phường đã lấy 02 suất nên chị T phải thanh toán ở cả 03 phường là $150.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ suất} = 300.000.000 \text{ đồng}$

Do chị T còn 02 suất chưa lấy ở mỗi phường nên ở 03 phường chị T được thanh toán là $75.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phường} = 150.000.000 \text{ đồng}$.

Đối trừ chị T phải thanh toán cho chị H là $300.000.000 \text{ đồng} - 150.000.000 \text{ đồng} = 150.000.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, ở 07 phường chị H thanh toán cho chị T số tiền là: phường thứ nhất 60.000.000 đồng + phường thứ hai và phường thứ ba 267.000.000 đồng + phường thứ năm, phường thứ sáu và phường thứ bảy 150.000.000 đồng = 477.000.000 đồng. Ở phường thứ tư chị H phải thanh toán cho chị T 57.000.000 đồng nên đối trừ chị T còn phải thanh toán là $477.000.000 \text{ đồng} - 57.000.000 \text{ đồng} = 420.000.000 \text{ đồng}$. Như vậy chị T phải thanh toán cho chị Hằng số tiền là 420.000.000 đồng.

Đối với phường chị T làm chủ, chị H khai ở cả 03 phường đã nộp được 85.000.000 đồng nhưng chị H không biết vào phường cụ thể cùng với ai, không biết có bao nhiêu suất, không nhớ họ tên địa chỉ cụ thể của người chơi phường, người được lấy phường, lấy bao nhiêu tiền phường, không có ký nhận nộp phường. Chị T chỉ thừa nhận chị H đã nộp 15.000.000 đồng tiền gốc thì dừng phường. Do đó chỉ có căn chức chấp nhận chị H đã nộp cho chị T 15.000.000 đồng nên chị T, phải trả cho chị H 15.000.000 đồng.

Do đó, tổng số tiền chị T phải thanh toán cho chị H là $420.000.000 + 15.000.000$ đồng = $435.000.000$ đồng. Như vậy chị T phải thanh toán cho chị Hằng số tiền là $435.000.000$ đồng, được đối trừ đi số tiền chị T đã trả cho chị H là $8.000.000$ đồng. Vì vậy chị T phải thanh toán cho chị Hằng số tiền phưởng còn lại là $427.000.000$ đồng là phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, buu, phưởng.

Về lãi suất của số tiền chậm trả từ khi dừng phưởng đến thời điểm xét xử: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu chị Lê Thị T phải trả tiền lãi của số tiền phưởng và lãi suất của số tiền chậm trả nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận nên chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại chị H tiền tạm ứng án phí đã nộp. Việc xử lý tiền tạm ứng án phí và án phí như trên là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 116, Điều 117 và Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, buu, phưởng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: buộc chị Lê Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị Hằng $S1$ tiền phưởng (tiền gốc) chưa trả là $427.000.000$ đồng (*Bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng*). Chị H không yêu cầu chị T trả tiền lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2025) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu $21.080.000$ đồng (*Hai mươi một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị H $12.000.000$ đồng (*Mười hai*

triệu đồng chẵn) theo biên lai thu số 0004895 ngày 25/10/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8, Hưng Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Lê Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 -Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên